

Số: 10 /2018/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 1 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2015/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2015/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 40/TTr-KHĐT ngày 09/02/2018 về việc Ban hành Quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ldh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, LĐT&XH; NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành
Võ Ngọc Thành

QUY ĐỊNH

**Về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về cơ chế phân cấp quản lý, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; tổ chức, điều phối, theo dõi, kiểm tra và đánh giá trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án (nội dung) thành phần, tiểu dự án thành phần

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực chương trình; chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực chương trình, chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

a) Dự án 1: Chương trình 30a

- Các tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Tiểu dự án 1), Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4): Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện; trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

b) Dự án 2: Chương trình 135

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh.

- Các tiêu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Tiêu dự án 1); Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; thôn, bản đặc biệt khó khăn (Tiêu dự án 3): Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

d) Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; trong đó: Sở Thông tin và Truyền thông trực tiếp chỉ đạo hoạt động giảm nghèo về thông tin, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

đ) Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH** **MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Điều 3. Phân cấp bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổng vốn ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách tỉnh thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo từng nội dung, dự án thành phần, tiểu dự án thành phần theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của mỗi chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ chi tiết danh mục dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

2. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lựa chọn dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách tỉnh phù hợp với số vốn được phân bổ theo từng chương trình mục tiêu quốc gia cho địa phương, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao chi tiết danh mục và mức vốn cho từng dự án để thực hiện.

Chương III

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hàng năm của các đơn vị, địa phương được lập cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Căn cứ lập kế hoạch, nội dung kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hàng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần, căn cứ vào hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương, có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành quản lý.

4. Các cơ quan, địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch (gồm mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn) gửi các cơ quan chủ trì thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần trước ngày 05 tháng 7 hàng năm.

5. Các cơ quan chủ trì thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu vốn và xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung toàn tỉnh, đồng thời gửi các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia ở trung ương để đăng ký nhu cầu vốn cho năm kế hoạch.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính căn cứ các mục tiêu kế hoạch 5 năm, hàng năm, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí để cân đối, tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo HĐND tỉnh quyết định; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 5. Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã

1. Nguyên tắc lập kế hoạch

- Kế hoạch thực hiện chương trình phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã và phải có sự tham gia của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, người dân hưởng lợi và cộng đồng dân cư tại địa phương.

- Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã phải làm rõ khả năng huy động nguồn vốn thực hiện chương trình, gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền thông báo dự kiến (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện), nguồn vốn cân đối từ ngân sách xã, nguồn vốn huy động từ cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác; cơ chế thực hiện; đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện nội dung hoạt động của từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn.

2. Lập, tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã

Hàng năm, đến kỳ lập kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm, căn cứ theo chỉ đạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thông báo dự kiến nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã (gọi tắt là Ban quản lý xã) xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; thông báo các nội dung, hoạt động chương trình dự kiến triển khai trên địa bàn cấp xã đến người dân và cộng đồng dân cư thụ hưởng; nội dung của kế hoạch bao gồm: Danh mục và nội dung chủ yếu của các hoạt động, công trình, dự án cần thực hiện trong kỳ kế hoạch; đề xuất đơn vị chủ trì thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thảo luận, lấy ý kiến công khai vào kế hoạch thực hiện chương trình, hoàn thiện kế hoạch trên địa bàn cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua và gửi UBND cấp huyện xem xét cho ý kiến và tổng hợp.

3. Trình tự, nội dung lập kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Giao kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hằng năm.

1. Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư kịp thời thông báo cho các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần căn cứ quy định hiện hành và tình hình thực tế của các đơn vị thụ hưởng chương trình để đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ kế hoạch vốn cho từng dự án của chương trình.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện các dự án thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn (đối với các dự án có từ 2 đơn vị tham gia thực hiện trở lên thì cơ quan chủ trì thống nhất bằng văn bản với đơn vị còn lại để phân bổ kinh phí chi tiết đến các đơn vị thực hiện) chi tiết theo từng nội dung, dự án thành phần, tiểu dự án thành phần, danh mục dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định phương án phân bổ vốn, tổng hợp cân đối, dự kiến phân bổ kế hoạch vốn trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của mỗi chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bố trí vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao vốn cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải được phân bổ tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả nguồn vốn, đúng mục đích. Mức vốn, kinh phí phân bổ cho từng chương trình không thấp hơn dự toán trung ương giao.

Chương IV HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 7. Huy động nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguồn vốn thực hiện chương trình

a) Vốn ngân sách (Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã), vốn trái phiếu Chính phủ: Vốn trực tiếp để thực hiện các nội dung chương trình được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Vốn tín dụng: Nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo,... và các chính sách tín dụng ưu đãi khác; vốn tín dụng thương mại từ các tổ chức, cá nhân.

c) Huy động từ tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng:

- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án, nội dung cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua;

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

d) Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác.

2. Cấp tỉnh, huyện, xã chịu trách nhiệm huy động và đảm bảo nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện chương trình.

Đối với nguồn ngân sách địa phương: Cấp tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm tự cân đối ngân sách để đảm bảo nguồn lực thực hiện kế hoạch chương trình theo quy định; có trách nhiệm xây dựng giải pháp huy động nguồn vốn từ tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện trên tinh thần tự nguyện, hợp lý, có tính đến đặc điểm kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn của từng địa phương; đảm bảo các nguyên tắc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình theo quy định.

Điều 8. Phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện chương trình hằng năm

1. Căn cứ Quyết định phân bổ vốn của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị thực hiện dự án phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện từng nội dung, hoạt động của các dự án thuộc chương trình.

2. Các cơ quan, UBND cấp huyện thực hiện dự án, phân bổ chi tiết kế hoạch gửi cơ quan tài chính cùng cấp để giám sát, thực hiện; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan thường trực chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần tổng hợp, giám sát và báo cáo các bộ, ngành trung ương theo quy định.

Điều 9. Sử dụng kinh phí được lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc lồng ghép

a) Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi và phải đảm bảo tính đồng bộ, phát huy hiệu quả các chương trình, dự án;

b) Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả;

c) Việc lồng ghép các nguồn vốn phải được thực hiện cụ thể, xác định thứ tự ưu tiên đối với từng công trình, từng tiêu chí và ưu tiên đầu tư cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới (theo các quy định, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh);

d) Quá trình thực hiện lồng ghép nguồn vốn phải đảm bảo các mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ riêng của các chương trình, dự án;

2. Cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn đối với các nội dung, nhiệm vụ được lồng ghép thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng chương trình, dự án hoặc theo quy định của chương trình mục tiêu quốc gia hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với cơ chế quản lý của chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế của các chương trình, dự án được lồng ghép.

Điều 10. Sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc phân bổ:

Nguồn vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện phân bổ, sử dụng không trái với các quy định về phân bổ nguồn vốn tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Việc sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh phải hướng tới thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, đảm bảo có sự tham gia giám sát của người dân, của nhà tài trợ.

2. Nguồn vốn thực hiện:

- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án, nội dung cụ thể, do HĐND cấp xã thông qua;
- Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Các hình thức huy động:

a) Huy động vốn đầu tư trực tiếp xây dựng công trình: Căn cứ vào tình hình thực tế thi công của mỗi công trình và đặc điểm của từng địa phương có thể huy động đóng góp theo các hình thức sau:

- Vốn góp bằng tiền;
- Vốn góp bằng hiện vật, gồm: Cát, đá, sỏi, xi măng, gạch, ngói, ...; công trình hoàn thành;
- Vốn góp bằng ngày công lao động;
- Vốn góp bằng chi phí máy xây dựng;

- Hình thức đóng góp hỗn hợp: Kết hợp từ các hình thức trên.

b) Huy động đóng góp mặt bằng xây dựng công trình: Đất và tài sản trên đất.

4. Quản lý, sử dụng và quyết toán vốn huy động:

a) Quản lý và sử dụng vốn huy động

- Đối với khoản đóng góp bằng tiền: UBND cấp xã thực hiện thu (có biên lai thu tiền) và nộp vào tài khoản tiền gửi vốn đầu tư thuộc cấp xã quản lý của ngân sách mở tại kho bạc Nhà nước (nếu đóng góp bằng ngoại tệ thì ngoại tệ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do kho bạc Nhà nước công bố hàng tháng).

- Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân, chi phí máy xây dựng: Căn cứ vào số lượng chủng loại vật tư, số ngày công lao động do người dân đóng góp, số ca máy và đơn giá từng loại đóng góp này tại địa phương (tại thời điểm đóng góp), UBND cấp xã xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để hạch toán vào giá trị công trình, dự án.

- Đối với khoản đóng góp bằng công trình hoàn thành của tổ chức, cá nhân: UBND cấp xã thành lập Hội đồng xác định giá trị công trình (bằng tiền Việt Nam) để quản lý. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện chính quyền, đoàn thể trong đơn vị cấp xã và ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Đối với việc đóng góp bằng đất xây dựng: Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn nhân dân thực hiện thủ tục hiến đất theo phương án huy động đã thống nhất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; Căn cứ quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá đất, tài sản trên đất để tính ra giá trị đóng góp của dân và công khai cho nhân dân nơi có dự án biết để thống nhất đưa vào giá trị công trình.

b) Thanh quyết toán vốn huy động

- Các nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động, chi phí máy xây dựng, mặt bằng xây dựng được hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

- Trong trường hợp xã tự tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương, có trả thù lao cho người lao động, Ban quản lý cấp xã ưu tiên bố trí hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động và trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền công của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Mức trả thù lao cho hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động được Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Đối với vốn đóng góp để đầu tư xây dựng công trình: Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, Ban quản lý xã có trách nhiệm lập bảng quyết toán vốn huy động. Bảng quyết toán phần vốn huy động được tổng hợp vào báo cáo quyết toán công trình hoàn thành.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo quy định của Bộ Tài chính và các định mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định có liên quan.

5. Quyết toán dự án hoàn thành và công khai tài chính nguồn vốn huy động:

a) Quyết toán dự án hoàn thành: Thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Công khai tài chính nguồn vốn huy động:

Sau khi quyết toán công trình hoàn thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công khai tài chính theo quy định.

- Nội dung công khai:

+ Công khai kết quả huy động vốn: Đối tượng, thời gian, hình thức, mức đóng góp của các đối tượng;

+ Công khai việc sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư xây dựng các công trình: Danh mục công trình được đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán các công trình của cấp có thẩm quyền;

+ Công khai số chênh lệch thu, chi (nếu có).

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cấp xã và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân trong cộng đồng dân cư.

- Thời gian công khai: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình.

Chương V

THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 11. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án thuộc chương trình

1. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm xây dựng khung giám sát và các chỉ số giám sát, đánh giá theo

hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành trung ương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ (6 tháng, 9 tháng) và đột xuất (nếu cần thiết) về tình hình và kết quả thực hiện chương trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi.

Điều 12. Báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các cơ quan thực hiện dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm định kỳ (6 tháng, hàng năm) báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án, gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính. Báo cáo 6 tháng gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 7 cùng năm; báo cáo năm gửi chậm nhất vào ngày 10 tháng 3 năm sau.

2. Căn cứ các văn bản hướng dẫn hiện hành của mỗi chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện chương trình định kỳ 6 tháng và hàng năm với bộ, ngành quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh.

3. Định kỳ (6 tháng, hàng năm), Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, trình Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và các bộ ngành quản lý chương trình trước ngày 20 tháng 7 cùng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 31 tháng 3 năm sau (đối với báo cáo năm).

4. Trong báo cáo định kỳ của chủ chương trình, dự án phải đánh giá tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia so với kế hoạch ban đầu đề ra theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra, những thay đổi (nếu có) và tình hình chấp hành dự toán được giao. Trường hợp chương trình không bảo đảm tiến độ và chất lượng so với dự kiến, trong báo cáo cần nêu rõ lý do chậm trễ, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 13. Báo cáo giữa kỳ, báo cáo kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Vào năm thứ ba của kỳ kế hoạch 5 năm, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện dự án lập báo cáo đánh giá giữa kỳ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và bộ, ngành quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 15 tháng 11 cùng năm nhằm

đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chương trình từ khi bắt đầu và đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, trình Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 12 năm thứ ba của kỳ kế hoạch 5 năm.

2. Vào cuối chu kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện dự án lập báo cáo về kết quả thực hiện chương trình trong giai đoạn 5 năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và bộ, ngành quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 15 tháng 8 năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 5 năm, trình Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 9 năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm.

3. Trong báo cáo giữa kỳ và báo cáo tổng kết chương trình mục tiêu quốc gia phải đánh giá được: Kết quả thực hiện mục tiêu chung, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và tác động của chương trình đối với ngành, lĩnh vực có liên quan; tính hiệu quả và bền vững của chương trình, phân tích nguyên nhân, các bài học kinh nghiệm về quản lý; đề xuất các giải pháp cần thiết trong giai đoạn tiếp theo để duy trì kết quả của chương trình.

Điều 14. Kinh phí quản lý, giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Kinh phí quản lý, giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Đối với cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần, Ban Chỉ đạo tỉnh và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo cấp huyện và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện được bố trí trong nguồn kinh phí sự nghiệp của chương trình.

b) Đối với cơ quan giúp việc Ban chỉ đạo tỉnh tổng hợp 02 chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư): Được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên hàng năm thuộc ngân sách tỉnh và theo dõi khoản mục chi riêng.

2. Nội dung chi và mức chi đối với kinh phí quản lý chương trình:

a) Chi xây dựng khung giám sát và các chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về thực hiện các chương trình;

b) Chi giám sát, kiểm tra đánh giá đột xuất, định kỳ hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ các chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực

hiện; hội nghị giao ban và sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

c) Các nội dung và mức chi khác theo quy định của từng chương trình và quy định của Bộ Tài chính.

Chương VI

CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 15. Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Phó trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Phó trưởng Ban Chỉ đạo là thủ trưởng các sở, ban ngành chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. Thành viên của Ban Chỉ đạo là đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành liên quan.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh: kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 5 năm và hàng năm gửi cơ quan chủ chương trình và các bộ, ngành trung ương theo quy định; hướng dẫn, tổ chức triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; lồng ghép, phân bổ mục tiêu và nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia cho các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện. Tham mưu việc huy động các nguồn lực của địa phương để bổ sung cho việc thực hiện các hoạt động, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia,...

3. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 16. Cơ chế điều phối, phối hợp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Ban Chỉ đạo tỉnh có vai trò điều phối hoạt động của các sở, ban, ngành liên quan; giữa các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý và điều hành thực hiện các chương trình.

Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức họp sơ kết 6 tháng và tổng kết năm để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia và hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh để trao đổi thông tin về tiến trình thực hiện các chương trình trên địa bàn; việc phối hợp giữa các cấp, các ngành; giải quyết các khó khăn vướng mắc, tìm giải pháp chấn chỉnh các sai sót (nếu có); chia sẻ kinh nghiệm về quản lý và thực hiện các chương trình; góp ý, bổ sung vào việc xây dựng kế hoạch, phân khai chi tiết kế hoạch của các cơ quan quản lý chương trình để thực hiện có hiệu quả chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Ban Chỉ đạo tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối các hoạt động thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của chương trình được giao quản lý.

4. Các cơ quan thực hiện dự án chịu sự điều phối của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần về kế hoạch vốn, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện của dự án.

Điều 17. Công khai thông tin chương trình mục tiêu quốc gia.

Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm công khai thông tin về chương trình thuộc quyền quản lý theo chức năng, nhiệm vụ.

Nội dung, hình thức và thời điểm công khai thông tin chương trình mục tiêu quốc gia theo khoản 2, 3, 4, Điều 15, Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương VII TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan tổng hợp các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nghiên cứu các quy định của trung ương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện có hiệu quả chương trình.

3. Chỉ đạo việc quản lý chung các chương trình mục tiêu quốc gia; tổng hợp kế hoạch hàng năm, 5 năm và nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh. Phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và địa phương xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban ngành có liên quan tổ chức thẩm định các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý theo các

quy định hiện hành; thống nhất về nội dung phân bổ chi tiết kế hoạch tới các dự án, đơn vị thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia định kỳ 6 tháng, năm, giữa kỳ và kết thúc 5 năm, kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia hoặc đột xuất khi có yêu cầu trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các bộ, ngành trung ương và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trung ương.

6. Tham gia tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, dự án của các sở, ngành, địa phương theo kế hoạch đề ra.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp; Cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Tổng hợp quyết toán kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan thẩm định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia tới các dự án, đơn vị thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; phối hợp tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn hoặc đột xuất khi có yêu cầu; Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, dự án của các sở, ban ngành và địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu UBND tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan đến các kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương.

3. Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hàng năm; dự kiến phương án phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm và hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

4. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí tổng mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Hướng dẫn nghiệp vụ và triển khai các hoạt động của chương trình cho các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện chương trình.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; báo cáo đánh giá đột xuất tình hình thực hiện khi có những vấn đề phát sinh ngoài dự kiến hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

1. Trường hợp cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia không phải là cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện dự án thành phần trong kế hoạch giai đoạn 5 năm và hàng năm gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình để tổng hợp vào kế hoạch chung.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ triển khai hoạt động của dự án thành phần cho các cơ quan thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí phần trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của dự án đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán kinh phí theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện dự án thành phần đúng định hướng, mục tiêu và hiệu quả.

đ) Phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Trường hợp dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia quản lý, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có thể giao đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tổ chức quản lý, điều hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây

dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hàng năm thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, dự án thành phần gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần để tổng hợp vào kế hoạch chung.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các nội dung, dự án được giao; sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Được phép huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và các quy định hiện hành về thực hiện chương trình, xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án được giao. Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Xây dựng các giải pháp huy động các nguồn lực của địa phương. Ngoài nguồn kinh phí được giao, được phép huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung thực hiện các hoạt động, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo mức bổ sung kinh phí (nếu có) cho cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án được giao. Tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức huy động, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp. /ch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành